

Số: 1460/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI	
Số: 1268	Ngày: 26.5.2014
Chuyên:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 30/10/2012 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 20/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 20/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 18/9/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 do Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam - Bộ Xây dựng lập tháng 5/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 83/TTr-SXD ngày 05/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu phát triển

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng thành phố Hồ Chí Minh và quy hoạch kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Định hướng phát triển không gian toàn vùng đến năm 2050 bao gồm: không gian xây dựng đô thị, dân cư nông thôn theo hướng gắn kết hài hòa với không gian công nghiệp tập trung, không gian du lịch, không gian sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Làm cơ sở để chỉ đạo việc lập các đồ án quy hoạch xây dựng chuyên ngành, lập các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển xây dựng.

- Làm công cụ quản lý phát triển kiểm soát không gian toàn vùng. Tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

2. Tính chất và chức năng vùng

- Là trung tâm giao thương các vùng kinh tế động lực của quốc gia (vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng Tây Nguyên và vùng duyên hải Nam Trung bộ).

- Là cực tăng trưởng kinh tế lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Trung tâm công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

- Đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, trung tâm kho vận, tiếp vận của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trung tâm giao thương của cả nước.

- Là vùng phát triển đô thị và đô thị hóa cao; trung tâm dịch vụ đa ngành, trung tâm công nghiệp tập trung, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm thương mại - tài chính của quốc gia.

- Trung tâm phát triển nông lâm, nghiệp chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm bảo tồn rừng cảnh quan, bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn nước của toàn vùng thành phố Hồ Chí Minh.

- Trung tâm du lịch sinh thái đặc trưng; du lịch văn hóa lịch sử.

- Có vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng - an ninh của cả nước.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Đồng Nai sẽ đóng vai trò là vùng phát triển kinh tế động lực của vùng thành phố Hồ Chí Minh và quốc gia, cửa ngõ giao thương của 3 vùng kinh tế; đầu mối giao thương quốc tế của vùng và quốc gia.

- Đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai cơ bản là tỉnh công nghiệp phát triển, đến năm 2030 sẽ trở thành một Trung tâm công nghiệp - đô thị hiện đại, trung tâm thương mại dịch vụ chất lượng cao và vùng nông lâm nghiệp hiện đại phát triển cân bằng và bền vững. Đến năm 2050 sẽ tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái.

- Vùng phát triển du lịch sinh thái rừng đặc trưng, du lịch lịch sử, văn hóa đặc sắc; Vùng bảo vệ nguồn nước, rừng cảnh quan và sự đa dạng sinh học.

- Là vùng có chất lượng cuộc sống tốt, hài hòa thân thiện với môi trường.

4. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch trong phạm vi ranh giới toàn tỉnh Đồng Nai (bao gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú). Tổng diện tích tự nhiên 5.907,2 km²; quy mô dân số năm 2011 là 2.665.079 người.

- Phía Đông và Đông Bắc: Giáp tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng;

- Phía Tây và Tây Nam : Giáp tỉnh Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh;

- Phía Nam : Giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Phía Bắc và Tây Bắc : Giáp tỉnh Bình Phước.

5. Các dự báo phát triển vùng

a) Dự báo quy mô dân số toàn tỉnh

- Năm 2020 : khoảng 3.100.000 ÷ 3.200.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 1.600.000 ÷ 1.700.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 50 ÷ 60%.

- Năm 2030 : khoảng 3.600.000 ÷ 3.700.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 2.500.000 ÷ 2.600.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 60 ÷ 70%.

b) Dự báo đất xây dựng đô thị

- Năm 2020 : khoảng 25.000 ÷ 32.000ha.

- Năm 2030 : khoảng 40.000 ÷ 45.000ha.

c) Dự báo đất xây dựng công nghiệp tập trung

- Năm 2020 : khoảng 13.000 ÷ 14.000 ha.

- Năm 2030 : khoảng 15.000 ÷ 16.000 ha.

d) Dự báo đất xây dựng khu dân cư nông thôn

- Năm 2020 : khoảng 26.000 ÷ 27.000 ha.

- Năm 2030 : khoảng 28.000 ÷ 33.000 ha.

đ) Các chỉ tiêu đất xây dựng đô thị và nông thôn

- Đối với đô thị loại I ÷ III : 120 ÷ 200 m²/người.

- Đối với đô thị loại IV ÷ V : 150 ÷ 250 m²/người.

- Chỉ tiêu đất ở nông thôn : 300 ÷ 500 m²/hộ.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Cơ sở phân chia không gian vùng

Cơ sở phân chia được xác định dựa trên 04 cấu trúc chính:

- Cấu trúc giao thông:

Khung phát triển giao thông vùng tỉnh Đồng Nai dựa trên định hướng phát triển các trục hướng tâm, các trục vành đai đảm bảo kết nối đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong vùng thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh miền Đông Nam bộ, vùng Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc tế như sau :

+ Đường bộ: Quốc lộ 1, Quốc lộ 51, Quốc lộ 56, Quốc lộ 20; đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Dầu Giây – Đà Lạt, đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, Đồng Nai – Phan Thiết, đường vành đai 3, 4.

+ Đường sắt: Đường sắt Bắc – Nam, Biên Hòa – Vũng Tàu, đường Xuyên Á; kết hợp với đường sắt đô thị phát triển giao thông công cộng.

+ Đường hàng không: Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

+ Đường thủy: Hệ thống sông Đồng Nai, sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu, sông Thị Vải.

- Cấu trúc không gian các vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ tập trung (bao gồm 03 vùng cơ bản)

+ Trung tâm vùng tỉnh: Gồm thành phố Biên Hòa, đô thị Long Thành, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Bình Sơn (đô thị dịch vụ sân bay quốc tế Long Thành), đô thị Phước Thái (đô thị dịch vụ cảng Phú Mỹ - Gò Dầu), đô thị Trảng Bom, đô thị Thạnh Phú; Các khu công nghiệp Biên Hòa, Thạnh Phú, Hố Nai, Sông Mây, Trảng Bom, Bàu Xéo - Giang Điền, Tam Phước, Long Thành, Nhơn Trạch, Ông Kèo.

+ Vùng phía Đông: Gồm các đô thị Long Khánh, Dầu Giây, Gia Ray, Long Giao. Các khu công nghiệp Dầu Giây, Long Khánh, Xuân Lộc; Các cụm công nghiệp tập trung gắn với các đô thị.

+ Vùng đô thị - công nghiệp hành lang Quốc lộ 20: Gồm đô thị Phú Túc, La Ngà, Định Quán, Tân Phú; Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung gắn với các đô thị.

- Cấu trúc không gian vùng cảnh quan: Các vùng bảo tồn rừng cảnh quan Nam Cát Tiên, hồ Trị An, rừng ngập mặn Nhơn Trạch, vùng cảnh quan ven sông Đồng Nai, vùng lâm nghiệp rừng trồng, với cấu trúc sinh thái đặc trưng và đan xen giữa các vùng đô thị - công nghiệp tạo phát triển cân bằng của từng vùng.

- Vùng hạn chế và cấm xây dựng:

+ Cấm xây dựng trong khu vực rừng đặc dụng của khu bảo tồn thiên nhiên (Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn vùng nước ngập hồ Trị An – sông Đồng Nai, Khu Ramsar Bàu

Sầu), vùng rừng ngập mặn Nhơn Trạch, Long Thành, khu vực hành lang bảo vệ xung quanh hồ Trị An và dọc sông Đồng Nai, sông Nhà Bè, sông Lòng Tàu, sông Thị Vải; khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn quan trọng của tỉnh để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước.

+ Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ an toàn Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Sân bay Biên Hòa; các khu đất quốc phòng, an ninh quản lý, vùng thấp trũng hạ lưu sông Đồng Nai có nguy cơ ngập lụt do ảnh hưởng biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, thành phố Biên Hòa; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, không ổn định nền đất.

b) Phân bố các vùng chức năng

- Phân vùng phát triển kinh tế:

Trên cơ sở tổng hợp và kế thừa định hướng Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, định hướng phát triển không gian vùng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án quy hoạch được xác định với hai mốc thời gian cơ bản như sau:

+ Giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai xác định phát triển với mô hình tỉnh công nghiệp - đô thị - dịch vụ; Phân thành 03 Vùng chính yếu, gồm:

* Vùng I - Vùng công nghiệp - đô thị - dịch vụ Trung tâm vùng tỉnh, gồm: thành phố Biên Hòa, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom và một phần huyện Vĩnh Cửu; Trong đó thành phố Biên Hòa là đô thị hạt nhân.

Thế mạnh của vùng: Trên cơ sở phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia và cấp khu vực như: Hình thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cảng biển nhóm 5 tại huyện Nhơn Trạch và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, đường vành đai 3, 4...; Tập trung phát triển vùng đô thị và đô thị hoá cao đa chức năng gắn với phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên ngành; công nghiệp hỗ trợ; Phát triển các trung tâm thương mại – tài chính cấp vùng; Trung tâm kho vận, tiếp vận lớn; Phát triển dịch vụ du lịch, giải trí, du lịch cảnh quan, văn hoá lịch sử...

* Vùng II - Vùng kinh tế phía Đông, gồm: Thị xã Long Khánh; các huyện Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc; Trong đó thị xã Long Khánh là đô thị hạt nhân.

Thế mạnh của vùng: Phát triển vùng đô thị, công nghiệp tập trung chuyên ngành; Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chuyên canh, thương mại - dịch vụ cấp vùng.

Hệ thống các điểm dân cư nông thôn tập trung gắn với lợi thế sản xuất nông, lâm nghiệp tại các xã trên địa bàn các huyện.

* Vùng III - Vùng sinh thái phía Bắc, gồm: huyện Định Quán, Tân Phú và một phần huyện Vĩnh Cửu, chức năng bảo tồn rừng cảnh quan, bảo vệ nguồn nước và sự đa dạng về sinh học; Trong đó thị trấn Định Quán là đô thị hạt nhân.

Thế mạnh của vùng: Phát triển vùng nông nghiệp hàng hoá có chất lượng cao, phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái cảnh quan rừng Nam Cát Tiên, hồ Trị An, ven sông Đồng Nai, Khu bảo tồn thiên nhiên – văn hóa Đồng Nai...

Giai đoạn này định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh với thành phố Biên Hòa là đô thị loại I; thị xã Long Khánh và Nhơn Trạch là đô thị loại II; Trảng Bom và Long Thành đô thị loại III, với dự báo quy mô dân số, lao động, tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng đô thị; Cấp quản lý hành chính theo cấp đô thị.

Đô thị Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom vẫn là trung tâm hành chính của các huyện.

+ Sau năm 2030: Mô hình phát triển Vùng tỉnh Đồng Nai gồm:

* Phát triển Vùng I thành đô thị: Trên cơ sở khai thác các tiềm năng thuận lợi về vị trí chiến lược địa chính trị - kinh tế, cơ sở hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng đi qua địa bàn tỉnh (đường vành đai 2 đến vành đai 3 gắn kết đường vành đai 4; các tuyến đường sắt; Tổng kho trung chuyên, Cảng hàng không quốc tế Long Thành...); cùng với sự phát triển mạnh các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp công nghệ cao, gắn kết đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật... tạo động lực liên kết chuỗi đô thị thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom và một phần huyện Vĩnh Cửu; Căn cứ điều kiện, tình hình thực tế có thể thống nhất và định hướng hình thành một đô thị trực thuộc tỉnh với cấp quản lý hành chính theo cấp đô thị loại I.

Đô thị với dân số ước tính khoảng 2,7 triệu người; diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 36.000 ha; tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 70%. Việc quản lý phát triển hạ tầng, xây dựng các khu chức năng, quản lý đất đai, phải được thống nhất và định hướng theo dạng đô thị loại I để tránh những bất cập trong tương lai.

Giai đoạn này tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái gắn kết môi trường tự nhiên trong phát triển không gian đô thị hiện đại, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

* Phát triển Vùng II và III thành vùng đô thị - công nghiệp gắn sản xuất nông nghiệp chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái: Trên cơ sở phát triển các đô thị Vĩnh An, Dầu Giây, Gia Ray, Long Giao, Định Quán, Tân Phú và thị xã Long Khánh; Trong đó thị xã Long Khánh thành đô thị loại II (trung tâm thương mại, dịch vụ, sản xuất và hỗ trợ ứng dụng công nghệ sinh học gắn lợi thế sản xuất nông nghiệp chuyên canh của vùng).

Giai đoạn này tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết đồng bộ hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia và cấp khu vực trên địa bàn tỉnh.

Các đô thị như: Vĩnh An, Dầu Giây, Gia Ray, Long Giao, Định Quán, Tân Phú vẫn là trung tâm hành chính của các huyện.

- Phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn:

+ Định hướng phát triển hệ thống đô thị trong vùng

* Dự báo số lượng đô thị cho các giai đoạn:

Năm 2020: có 11 đô thị; trong đó có 1 đô thị loại I (thành phố Biên Hòa), 1 đô thị loại II (Nhơn Trạch), 1 đô thị III (thị xã Long Khánh), 2 đô thị loại IV (thị trấn Long Thành và Trảng Bom) và 6 đô thị loại V (thị trấn Vĩnh An, Định Quán, Tân Phú, Dầu Giây, Gia Ray, Long Giao).

Năm 2030: có 17 đô thị; trong đó có 1 đô thị loại I (thành phố Biên Hòa), 2 đô thị loại II (Long Khánh, Nhơn Trạch), 2 đô thị loại III (Long Thành, Trảng Bom), 7 đô thị loại IV (đô thị Bình Sơn, Dầu Giây, Gia Ray, Long Giao, Vĩnh An, Định Quán, Tân Phú) và 5 đô thị loại V (đô thị Phước Thái, Phú Lý, Phú Túc, Thạnh Phú, La Ngà).

* Chức năng đô thị trung tâm:

Hệ thống Đô thị trung tâm vùng và trung tâm các tiểu vùng, gồm: thành phố Biên Hòa, đô thị Long Khánh, đô thị Định Quán, trong đó:

Thành phố Biên Hòa đóng vai trò vừa là đô thị hạt nhân của vùng tỉnh Đồng Nai vừa là đô thị vệ tinh độc lập vùng thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển đô thị có bản sắc đặc trưng ven sông Đồng Nai, bảo vệ vùng cây xanh cảnh quan Cù Lao Phố và dọc sông Đồng Nai.

Đô thị Long Khánh là trung tâm vùng phía Đông của tỉnh. Phát triển tập trung trên trục quốc lộ 1A, quốc lộ 56, đường Trảng Bom – Xuân Lộc, đường cao tốc Dầu Giây – Phan Thiết; Hình thái đô thị phát triển theo các khu đô thị tập trung, hướng tâm và đường vành đai không gian mở gắn kết cảnh quan hồ Suối Tre, khu du lịch Hòa Bình và vùng nông nghiệp chuyên canh.

Đô thị Định Quán là trung tâm vùng phía Bắc của tỉnh Đồng Nai. Hình thái đô thị phát triển theo dạng tuyến, trục Quốc lộ 20. Mở rộng phát triển về phía Bắc và Đông Bắc.

* Hệ thống đô thị phân theo tính chất chức năng tổng hợp, gồm: thành phố Biên Hòa, đô thị Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh An, Tân Phú, Định Quán, Dầu Giây, Long Khánh, Gia Ray, Long Giao; Trong đó đô thị Long Thành là trung tâm công nghiệp công nghệ cao của vùng; Đô thị Nhơn Trạch là trung tâm công nghiệp của tỉnh và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

* Hệ thống đô thị chuyên ngành, đô thị mới cấp huyện:

Đô thị Bình Sơn (đô thị dịch vụ gắn hoạt động sân bay quốc tế Long Thành) là trung tâm thương mại – dịch vụ - tài chính, trung tâm dịch vụ Logistics, kho vận quốc tế.

Đô thị Phước Thái (đô thị gắn hoạt động cảng biển nhóm 5 gồm: Nhơn Trạch - Gò Dầu - Phú Xuân, Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) là trung tâm vận chuyển hàng hóa, kho vận cấp vùng.

Đô thị Thạnh Phú và đô thị La Ngà gắn hoạt động sản xuất công nghiệp.

(Đính kèm danh mục dân số, hệ thống đô thị đến năm 2030)

+ Định hướng tổ chức phát triển dân cư nông thôn

* Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới tập trung gắn với hệ thống giao thông liên huyện, liên xã. Điểm dân cư mới hình thành gắn với các vùng chuyên canh lớn, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Xây dựng hệ thống các điểm dân cư với mục tiêu nâng cao chất lượng sống của người dân, giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị. Phát huy thế mạnh riêng của từng vùng để thu hút nguồn xã hội hóa để tổ chức hệ thống các điểm dân cư gắn liền với địa hình, cảnh quan nông thôn khác nhau của từng vùng huyện, từng khu vực theo hướng giữ gìn bản sắc đặc trưng của từng địa phương.

* Sắp xếp, tổ chức dân cư theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và gắn với hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch đã được phê duyệt của các điểm dân cư tập trung. Khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, hạn chế sử dụng đất canh tác, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát huy nội lực của nhân dân, tham gia đóng góp của các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của Nhà nước để xây dựng nông thôn mới.

* Di dời và xây dựng các khu dân cư tập trung có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Bảo vệ, xây dựng các tuyến đê, quản lý ven bờ, tôn cao đất đai và bảo vệ các công trình ven sông, hồ... nhằm ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu.

- Phân bố các vùng phát triển công nghiệp

+ Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp sạch thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng và tạo nhiều giá trị gia tăng; Phát triển dịch vụ logistics, công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp cơ khí, nhựa - cao su, điện - điện tử, dệt may, da giày... có khả năng tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

+ Phân bố các vùng công nghiệp:

* Vùng công nghiệp trung tâm vùng tỉnh, gồm: thành phố Biên Hòa - Vĩnh Cửu - Trảng Bom - Long Thành: ưu tiên phát triển ngành công nghiệp

công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp chuyên ngành, hỗ trợ cùng phát triển công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

* Vùng công nghiệp tập trung Nhơn Trạch - Gò Dầu: Phát triển công nghiệp hóa chất (công nghệ sạch), dệt may, cơ khí, vật liệu xây dựng, công nghiệp cảng, dịch vụ logistics.

* Vùng công nghiệp phía Đông tại thị xã Long Khánh, các huyện Thống Nhất - Xuân Lộc - Cẩm Mỹ: Phát triển công nghiệp phụ trợ, chế biến, cơ khí, may mặc giày da, công nghệ sinh học.

+ Vùng công nghiệp phía Bắc tại huyện Tân Phú, Định Quán: Phát triển các ngành công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng.

- Phân bố các vùng du lịch

+ Trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn, cảnh quan ven sông Đồng Nai, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn sự đa dạng sinh học..., hình thành các vùng du lịch sinh thái, du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lịch sử, tham quan làng nghề, du lịch hành hương... như:

* Vùng thành phố Biên Hòa - Long Thành - Nhơn Trạch: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven sông Đồng Nai, du lịch văn hóa lịch sử, tham quan di tích cách mạng Rừng Sác, rừng ngập mặn, du lịch thể thao nước, sinh thái miệt vườn...

* Vùng Long Khánh - Xuân Lộc: du lịch hành hương, tham quan các di tích văn hóa lịch sử, sinh thái miệt vườn...

* Vùng Vĩnh Cửu - Định Quán - Tân Phú: du lịch sinh thái, vui chơi, giải trí, tham quan vườn quốc gia Nam Cát Tiên, hồ Trị An, rừng bảo tồn, cảnh quan ven sông Đồng Nai. Khu văn hóa lịch sử chiến khu Đ, làng nghề truyền thống, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái rừng...

- Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản

+ Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng từng vùng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chuyên canh, áp dụng GAP trong sản xuất và GMP trong chế biến, xây dựng thương hiệu, đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp – nông thôn theo hướng bền vững, giảm dần khoảng cách nông thôn và đô thị; Trong đó định hướng hình thành các vùng nông nghiệp chuyên canh như:

* Vùng trồng lúa ở Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch sản xuất theo hướng chất lượng cao. Vùng chuyên canh trồng cây ăn trái dọc sông Đồng Nai thuộc huyện Định Quán, Vĩnh Cửu, Long Thành.

* Vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp (cao su, cà phê, hồ tiêu, điều) tại Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Trảng Bom. Xây dựng khu liên hợp công nông nghiệp Dofico ở huyện Thống Nhất, Xuân Lộc.

* Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại tập trung (gia súc, gia cầm) tại các huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc và Thống Nhất; chăn nuôi bò ở Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ.

+ Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ thuộc lưu vực sông La Ngà, sông Đồng Nai, sông Thị Vải nhằm bảo vệ các hệ sinh thái và đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững. Tăng diện tích rừng sản xuất nguyên liệu kết hợp sản xuất nông – ngư nghiệp và các dịch vụ môi trường khác trên địa bàn các huyện.

+ Vùng thủy sản: Phát triển nuôi trồng thủy sản của tỉnh với các mô hình nuôi trồng thủy sản công nghiệp và bán công nghiệp theo hình thức trang trại tập trung để bảo vệ môi trường bền vững, gồm:

* Vùng nuôi thủy sản nước ngọt tại lưu vực hồ Trị An (Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán) và hạ lưu sông Đồng Nai (thành phố Biên Hòa, Long Khánh, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Tân Phú...)

* Vùng nuôi thủy sản nước lợ tại huyện Long Thành, Nhơn Trạch.

- Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội vùng

+ Phân bố hệ thống giáo dục đào tạo vùng:

* Hình thành Trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo cấp vùng, cấp quốc gia tại thành phố Biên Hòa, huyện Nhơn Trạch, kết hợp đào tạo công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học tại các huyện Long Thành, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, thị xã Long Khánh; liên kết với các trường Đại học thành phố Hồ Chí Minh nâng cao chất lượng đào tạo.

* Xây dựng các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng dạy nghề tại trung tâm vùng và tiểu vùng như thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, thị trấn Định Quán.

* Xây dựng Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học tại huyện Cẩm Mỹ.

+ Phân bố hệ thống y tế vùng:

* Hình thành các trung tâm y tế mới đạt chuẩn quốc gia tại thành phố Biên Hòa, các huyện và thị xã Long Khánh.

* Đầu tư xây dựng mới, kết hợp nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa và các trung tâm, trạm y tế hiện hữu trên địa bàn tỉnh.

+ Phân bố hệ thống văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao vùng:

* Xây dựng trung tâm Văn hóa – Thể dục thể thao, trung tâm hội nghị triển lãm cấp vùng tại các huyện Long Thành, Nhơn Trạch.

* Xây dựng các trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, thể dục thể thao, thư viện tại các trung tâm tiểu vùng tại thị xã Long Khánh, đô thị Định Quán và trung tâm các huyện lỵ.

* Trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh.

+ Phân bố hệ thống thương mại - dịch vụ:

* Hình thành các khu trung tâm thương mại - dịch vụ cấp quốc gia, cấp vùng, chất lượng cao tại thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, đô thị mới Nhơn Trạch, đô thị Bình Sơn.

* Xây dựng trung tâm thương mại cấp tỉnh tại các đô thị trung tâm và trung tâm các tiểu vùng như thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, thị trấn Định Quán.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Phòng chống, giảm bớt các nguy cơ sạt lở bờ sông Đồng Nai, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; có các biện pháp chống ngập lũ hoặc triều cường; cải tạo hệ thống thoát nước kết hợp với hồ điều hòa để thoát nước mưa trong mùa lũ hoặc khi triều cường.

- Cao độ khống chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo đô thị không bị ngập lụt, không bị ảnh hưởng của triều cường và tác động của biến đổi khí hậu.

- Thoát nước tại các đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng; nước thải được xử lý tập trung của mỗi đô thị và đạt tiêu chuẩn về môi trường theo quy định trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng phương án giải tỏa các khu dân cư làm ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ của các cửa sông.

- Xây dựng, bảo vệ hệ thống đê kè chống xâm thực và sạt lở bờ sông.

b) Thủy lợi:

- Tiếp tục xây dựng, nâng cấp cải tạo các công trình thủy lợi gồm: Hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, các công trình kênh tiêu, bờ bao, ngăn lũ, ngăn mặn và tạo nguồn cung cấp nước ngọt phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Nâng cấp, mở rộng các hồ chứa nước trên địa bàn góp phần cung cấp nước, điều tiết lũ, chống ngập cho một số khu vực trọng yếu.

c) Giao thông

- Phát triển đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn kết hợp đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không phục vụ hiệu quả quá trình phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch; Đầu tư nâng cấp các tuyến giao thông đối ngoại, đường trục chính, đường tỉnh, đường liên kết cảng biển với các tuyến cao tốc, quốc lộ... để phục vụ các khu công nghiệp, khu du lịch, khu dịch vụ - đô thị, cảng biển, cảng hàng không nhằm tạo đột phá phát triển kinh tế; Phát triển hệ thống đường giao thông

nông thôn nối kết hệ thống đường tỉnh, quốc lộ tạo sự liên hoàn thuận lợi vận chuyển hàng hóa nông sản, nguyên vật liệu tại chỗ cung cấp cho sản xuất công nghiệp. Các tuyến đường đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, được nhựa hóa 100%.

- Xây dựng các tuyến đường sắt đô thị tại thành phố Biên Hòa và đô thị mới Nhơn Trạch; Xây dựng bến xe, bãi đậu xe tại các trung tâm đô thị, khu vực có các công trình tập trung đông người, đảm bảo nhu cầu đi lại của hành khách là đầu mối giao thông của các tuyến đối ngoại liên tỉnh, liên vùng.

- Hoàn thành xây dựng tổng kho trung chuyển của vùng tại Đồng Nai phục vụ phát triển kinh tế vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Cải tạo mở rộng và xây dựng mới hệ thống kho cảng ICD theo quy hoạch mạng lưới hệ thống kho cảng ICD tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

d) Cấp nước

- Nguồn nước:

Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho vùng chủ yếu là nguồn nước mặt từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, hồ Núi Le, hồ Gia Ui, hồ Cầu Mới...

- Dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước:

+ Đến năm 2020, tổng công suất hệ thống cấp nước máy toàn tỉnh đạt khoảng 800.000 - 850.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 1.000.000 m³/ngày đêm, đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho 100% dân số đô thị, một phần dân số nông thôn và cấp nước cho các ngành kinh tế.

+ Tại các khu vực dân cư nông thôn chưa có điều kiện cấp nước máy, triển khai chương trình nước sạch nông thôn kết hợp Nhà nước và nhân dân cùng làm, xây dựng công trình cấp nước tập trung có bể lọc, khử trùng, bơm dẫn cấp nước cho nhiều hộ gia đình hoặc làm giếng khoan bơm kết hợp bể chứa có lắng, lọc cấp nước hợp vệ sinh ở quy mô hộ gia đình.

+ Nhu cầu dùng nước đô thị đến năm 2020: $Q = 311.300 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đến năm 2030 $Q = 577.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nhu cầu dùng nước nông thôn đến năm 2020: $Q = 93.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đến năm 2030 $Q = 80.100 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nhu cầu dùng nước các khu và cụm công nghiệp tới năm 2020: $Q = 414.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$, năm 2030 $Q = 462.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giải pháp cấp nước:

Nghiên cứu phân vùng cấp nước, khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có, mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các nhà máy nước cho từng đô thị trong giai đoạn đầu và có định hướng cho giai đoạn sau; cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn nước mặt, tập trung nguồn lực khai thác nước mặt sông Đồng Nai và các phụ lưu của nó.

đ) Cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng từ nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến và trạm biến thế 500kV, 220kV, 110kV. Nguồn điện tại chỗ là nhà máy điện Trị An, Nhơn Trạch, Formosa, Vedan, Amata, bổ sung các dự án thủy điện nhỏ theo đúng định hướng quy hoạch điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự báo nhu cầu dùng điện: Tổng công suất điện yêu cầu toàn tỉnh đến năm 2020 là 3.046,27 MW, năm 2030 là 3.919,55 MW.

- Lưới điện: Nâng cấp mở rộng, đầu tư xây dựng mới các trạm biến thế và các tuyến 500kV, 220kV, 110kV đảm bảo công suất cung cấp, vị trí xây dựng mới phù hợp quy hoạch ngành.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thoát nước thải:

+ Đối với thành phố Biên Hòa và các đô thị đang sử dụng hệ thống cống chung thì xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (có cống bao tách nước thải và trạm xử lý nước thải), xây dựng các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý. Đối với các khu vực xây dựng mới phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Xây dựng các trạm xử lý nước thải cho các đô thị, khu đô thị, các khu, cụm công nghiệp... (theo dự án riêng).

+ Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn do ngành Tài nguyên và Môi trường quy định trước khi thải ra môi trường tự nhiên.

- Xử lý chất thải rắn: Đến năm 2020 xây dựng bãi rác và nhà máy xử lý rác cấp tỉnh ở xã Vĩnh Tân (Vĩnh Cửu), xã Quang Trung (Thống Nhất), xã Bàu Cạn (Long Thành) và các dự án nhỏ lẻ tại các huyện phù hợp quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Chất thải rắn công nghiệp độc hại đưa về khu xử lý riêng ở huyện Thống Nhất.

- Nghĩa trang:

+ Đầu tư xây dựng nghĩa trang cấp vùng tỉnh, cấp khu vực trên địa bàn theo quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Các đô thị cấp vùng huyện sẽ xây dựng các nghĩa trang riêng hoặc các đô thị gần nhau có điều kiện liên kết được sẽ xây dựng nghĩa trang chung.

- Bảo vệ môi trường sinh thái

+ Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên.

+ Khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý; Kiểm soát hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

+ Bảo vệ hệ sinh thái và phát triển rừng đầu nguồn và thảm thực vật rừng phòng hộ; Tăng cường các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Danh mục dự án đầu tư, giai đoạn thực hiện:

Trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, xác định:

- Giai đoạn đến năm 2020 tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ gắn kết hạ tầng kỹ thuật cấp vùng và cấp quốc gia, đẩy nhanh quá trình hình thành đô thị.

- Giai đoạn sau năm 2020 đến năm 2030: Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các đô thị phù hợp định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng đô thị.

- Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050: Tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết đồng bộ hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia và cấp khu vực trên địa bàn tỉnh...

(Đính kèm danh mục dự án đầu tư)

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách.

- Nguồn vốn từ huy động các thành phần kinh tế, gồm:

+ Nguồn vốn FDI, ODA.

+ Nguồn vốn tín dụng Nhà nước.

+ Nguồn vốn của doanh nghiệp và của nhân dân.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Chủ trì tổ chức công bố, phổ biến nội dung quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đến UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các sở, ban, ngành, đoàn thể, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các sở, ban, ngành liên quan theo phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý xây dựng kế hoạch thực hiện các loại quy hoạch tiếp theo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Tổ chức lập quy định về quản lý quy hoạch xây dựng vùng, trình UBND tỉnh ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Phan Thị Mỹ Thanh



Dự báo dân số, đô thị tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Tính chất chức năng	Hiện trạng năm 2011				Dự báo											
				Dân số toàn đô thị (người)	Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)	2015				2020				2030			
								Dân số toàn đô thị (người)	Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)	Dân số toàn đô thị (người)	Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)	Dân số toàn đô thị (người)	Dân số đô thị (người)	Loại đô thị	Đất XD đô thị (ha)
1	TP. Biên Hòa	TP. Biên Hòa	Đô thị cấp vùng; trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, KHKT của tỉnh	843.384	706.609	II		950.000	800.000	I	12.000	1.100.000	1.000.000	I	18.000	1.400.000	1.400.000	I	21.000
2	TX. Long Khánh	TX. Long Khánh	Trung tâm vùng phía Đông	135.311	54.357	IV		160.000	100.000	III	1.640	170.860	115.000	III	1.900	240.000	170.000	II	2.805
3	Huyện Long Thành	Đô thị Long Thành	Trung tâm vùng phía Tây		29.808	V			60.000		900	100.000	80.000	IV	1.170	150.000	90.000	III	1.530
		Đô thị Bình Sơn	Đô thị dịch vụ (sân bay)													95.000		IV	1.710
		Đô thị Phước Thái	Đô thị dịch vụ (cảng biển)													50.000		V	900
4	Huyện Nhơn Trạch								120.000		2.400	260.000	170.000		5.000	350.000	245.000		7.000
		Đô thị Nhơn Trạch	Đô thị hành chính, công nghiệp					200.000	120.000	III	2.400	260.000	170.000	II	5.000	350.000	245.000	II	7.000
5	Huyện Trảng Bom				21.800				60.000		966		80.000		1.280		120.000		1.920
		Thị trấn Trảng Bom	Đô thị hành chính		21.800	V			60.000	IV	966		80.000	IV	1.280	150.000	120.000	III	1.920
6	Huyện Thống Nhất								25.000		450		48.000		900		65.000		1.300
		Đô thị Dầu Giây	Đô thị hành chính						25.000	V	450		48.000	V	900		65.000	IV	1.300
7	Huyện Xuân Lộc				14.959				20.000		340		28.000		500		50.000		1.000
		Thị trấn Gia Ray	Đô thị hành chính		14.959	V			20.000	V	340		28.000	V	500		65.000		1.300
8	Huyện Cẩm Mỹ								20.000		330		30.000		510		65.000		1.300
		Đô thị Long Giao	Đô thị hành chính						20.000	V	330		30.000	V	510		65.000	IV	1.300
9	Huyện Vĩnh Cửu				25.121				26.000		390	35.000	26.500	V	483	50.000	40.000	IV	680
		Thị trấn Vĩnh An	Đô thị hành chính		25.121	V			26.000	V	390	35.000	26.500	V	483	50.000	40.000	V	1.040
		Đô thị Thạnh Phú	Đô thị công nghiệp													10.000		V	200
		Đô thị Phú Lý	Đô thị du lịch													80.000			1.467
10	Huyện Định Quán				21.767				30.000		360		35.000		420		80.000		1.467
		Thị trấn Định Quán	Trung tâm vùng phía Bắc		21.767	V			30.000	V	360		35.000	V	420		50.000	IV	1.000
		Đô thị Phú Túc	Đô thị du lịch													20.000		V	217
		Đô thị La Ngà	Đô thị công nghiệp						29.500		336		35.000		420		50.000		750
11	Huyện Tân Phú				23.170				29.500	V	336		35.000	V	420		50.000	IV	750
		Thị trấn Tân Phú	Đô thị hành chính		23.170	V			29.500	V	336		35.000	V	420		50.000	IV	750
					897.591				1.290.500		20.112		1.647.500		30.583		2.600.000		44.602
	Toàn tỉnh																		
	Số đô thị					08					11			11					17

Ghi chú: Các đô thị mới hình thành sau năm 2020 sẽ phát triển trên cơ sở trung tâm xã hay điểm dân cư tập trung gắn với các khu công nghiệp, dịch vụ, dự kiến dân số năm 2020 như: - Đô thị Bình Sơn (60.000 người), đô thị Phước Thái (35.000 người), đô thị Thạnh Phú (30.000 người), đô thị Phú Lý (6.000 người), đô thị Phú Túc (6.000 người).
 Giai đoạn từ năm 2020 định hướng đến năm 2030, tùy tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, nếu các đô thị đạt các tiêu chí đô thị loại IV, V sẽ xem xét điều chỉnh cho phù hợp.



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG 2025

(Kèm theo Quyết định số 1460 /QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: tỷ đồng

STT	Nhu cầu đầu tư phân theo ngành và lĩnh vực	Khả năng cân đối và huy động vốn							
		Tổng số	Trong đó						
			Ngân sách tỉnh	Cấp huyện đầu tư	Vốn TW hỗ trợ	Đầu tư BOT, BT	Vốn vay, Vốn DN	Vốn ODA	Vốn xã hội hóa
01	Dự án hạ tầng giao thông	38.999	6.663	8.153	970	19.882	2.941	0	390
02	Dự án cấp nước tập trung đô thị	6.078	840	0	0	0	508	4.729	0
03	Dự án thoát nước và xử lý nước thải	9.975	2.189	590	0	0	150	7.046	0
04	Các công trình, dự án thủy lợi	2.983	2.462	115	406	0	0	0	0
05	Các dự án cấp nước nông thôn	463	463	0	0	0	0	0	0
06	Các dự án bảo vệ môi trường	3.882	648	0	0	0	3.234	0	0
07	Các dự án lĩnh vực lâm nghiệp	174	147	10	17	0	0	0	0
08	Các dự án về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	18.981	6.298	0	418	0	12.265	0	0
09	Các dự án lĩnh vực giáo dục và đào tạo	8.688	2.897	3.795					1.996
10	Các dự án lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch	808	657	0	51	100	0	0	0
11	Các dự án lĩnh vực lao động TBXH	158	155	0	3	0	0	0	0
12	Một số dự án lớn khác								
	Tổng cộng	91.190	23.419	12.663	1.865	19.982	19.098	11.775	2.386